

## CHUẨN ĐẦU RA

### A. Thông tin chung về ngành học

1.1. Tên ngành đào tạo: Khoa học máy tính (Computer Science)

1.2. Trình độ đào tạo: Đại học

1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận tốt các vị trí là cán bộ kỹ thuật, quản lý, điều hành trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Có thể trở thành các lập trình viên, các nhà quản trị hệ thống công nghệ thông tin trong bất kỳ doanh nghiệp nào;
- Có thể làm việc trong các dự án với vai trò là người quản trị dự án về công nghệ thông tin;
- Có thể trở thành cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về công nghệ thông tin tại các viện, trung tâm nghiên cứu và các cơ sở đào tạo;
- Có thể tạo lập và quản lý cơ sở kinh doanh công nghệ thông tin tư nhân (trung tâm giảng dạy tin học A, B hoặc kinh doanh dịch vụ internet).

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:

Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học ở trong nước và ngoài nước.

### B. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của ngành khoa học máy tính (KHMT) được thể hiện ở 5 nhóm năng lực chính như sau: (1) *Phẩm chất chính trị, đạo đức, nghề nghiệp*; (2) *Năng lực giao tiếp*; (3) *Năng lực hiểu biết về Tin học*; (4) *Năng lực làm việc trong lĩnh vực Tin học*; (5) *Năng lực phát triển nghề nghiệp*. Mỗi nhóm năng lực được hình thành từ các kỹ năng và mức độ tương ứng theo yêu cầu nghề nghiệp hiện nay.

Nhóm năng lực	Kỹ năng	Mức độ	
1	<b>Phẩm chất chính trị, đạo đức, nghề nghiệp</b>		
	1.1	Phẩm chất chính trị	Trung bình
	1.2	Trách nhiệm công dân	Cao
	1.3	Phẩm chất đạo đức	Cao
2	<b>Năng lực giao tiếp</b>		
	2.1	Năng lực giao tiếp với nhân viên, với đồng nghiệp	Cao
	2.2	Năng lực giao tiếp với khách hàng và các đối tượng khác	Cao

	2.3	Năng lực tìm hiểu yêu cầu công nghệ mới	Trung bình
	2.4	Năng lực đánh giá sản phẩm công nghệ	Trung bình
<b>3</b>	<b>Nhóm năng lực hiểu biết về Tin học</b>		<del>                    </del>
	3.1	Năng lực sử dụng thuật ngữ Tin học	Cao
	3.2	Năng lực tiếp cận ngôn ngữ lập trình	Cao
	3.3	Năng lực phân tích giải thuật và cấu trúc dữ liệu	Cao
	3.4	Năng lực phân tích thiết kế hệ thống thông tin và lập trình cơ sở dữ liệu	Cao
	3.5	Năng lực thiết kế cài đặt mạng máy tính và lắp ráp, bảo trì phần cứng	Cao
	3.6	Năng lực hiểu biết và lập luận về Toán học	Trung bình
	3.7	Năng lực vận dụng kiến thức Tin học vào thực tiễn nghề nghiệp	Cao
<b>4</b>	<b>Nhóm năng lực làm việc trong lĩnh vực Tin học</b>		<del>                    </del>
	4.1	Năng lực vận dụng lập trình, cơ sở dữ liệu, phân tích giải thuật, phân tích thiết kế hệ thống thông tin trong xây dựng phần mềm	Cao
	4.2	Năng lực vận hành mạng máy tính, bảo trì hệ thống trong thiết kế và tư vấn cài đặt hệ thống phần cứng	Trung bình
	4.3	Năng lực vận dụng lập trình cơ sở và toán học trong giảng dạy nghiên cứu	Trung bình
	4.4	Năng lực kiểm định sản phẩm công nghệ, tư vấn giải pháp công nghệ cho doanh nghiệp	Trung bình
<b>5</b>	<b>Nhóm năng lực phát triển nghề nghiệp</b>		<del>                    </del>
	5.1	Năng lực thích ứng với môi trường mới	Cao
	5.2	Năng lực tự đánh giá	Trung bình
	5.3	Năng lực tự học, tự nghiên cứu Tin học	Cao

*Đồng Tháp, ngày 28 tháng 8 năm 2018*

**HIỆU TRƯỞNG**